TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn V, xã D, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn V, xã D, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị P, anh H (chị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Y, tỉnh N ngày 13/9/2013. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng năm 2019 do anh H chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con nên dẫn đến việc hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Hai bên chính thức sống ly thân nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/8/2015. Hiện cả hai con chung đang

sống cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 31/5/2022 Tòa án đã cùng với đại diện chính quyền xã D làm việc với bà Trần Thị N là mẹ anh Nguyễn Văn H. Bà N cho biết: Anh H kết hôn với chị P tại UBND xã Dngày 13/9/2013. Sau khi kết hôn anh H, chị P chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống giữa anh H và chị P không có mâu thuẫn gì lớn, anh H có chơi bời tuy nhiên sau này cũng đã biết suy nghĩ để làm ăn, chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn cụ thể giữa anh H, chị P như thế nào thì bà không nắm rõ tuy nhiên chị P có xin bà về gia đình bên ngoại sống, hiện nay anh H và chị P đang sống ly thân nhau. Về con chung: Anh H, chị P có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/8/2015. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P không có gì liên quan vì còn đang trực tiếp sống chung cùng gia đình bà. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh H, anh H đã nhận được và biết được việc chị P đang làm đơn ly hôn. Anh H đã ký vào đơn ly hôn mà chị P gửi tại Tòa án nhưng do bận làm ăn nên không thể về trực tiếp Tòa án để giải quyết được. Anh H có trao đổi với bà về nguyện vọng không muốn vợ chồng ly hôn nhau, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con. Nguyện vọng của gia đình bà muốn Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ.

3. Cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia B trình bày nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị P.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị P có mặt, anh H vắng mặt. Chị P đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị P xin giải quyết vắng mặt. Anh H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị P đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P; Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Gia B cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị P có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng chị P và anh H có mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh H. Anh H biết chị P xin ly hôn nhưng tróng trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị P nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị P, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Kể từ khi anh chị sống ly thân thì cả hai con chung ở cùng chị P, hiện hai cháu đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần sự chăm sóc từ người mẹ, hơn nữa nguyện vọng của các cháu cũng mong muốn được ở cùng với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cả hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị P, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/8/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/8/2015 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị P phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003579, ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh